

Số: 137_1/TTr-KT&ĐBCLGD

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN VỀ
CÔNG TÁC GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN
Học kỳ II, năm học 2025–2026**

I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI KHẢO SÁT

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức khảo sát ý kiến sinh viên về công tác giảng dạy các học phần chung trong Học kỳ II năm học 2025–2026 nhằm thu thập thông tin phản hồi của người học về quá trình tổ chức và thực hiện hoạt động dạy học.

Học viện sử dụng kết quả khảo sát để xem xét mức độ đáp ứng của hoạt động giảng dạy đối với mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra học phần và yêu cầu của chương trình đào tạo. Kết quả khảo sát đồng thời giúp các đơn vị quản lý đào tạo xác định những nội dung đã thực hiện tốt, những nội dung còn hạn chế và những vấn đề cần tiếp tục điều chỉnh.

- Nội dung khảo sát tập trung vào việc đánh giá mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần. Sinh viên xem xét mức độ rõ ràng của mục tiêu, mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra với chương trình đào tạo và mức độ nhận thức về năng lực cần đạt sau khi hoàn thành học phần.
- Khảo sát đồng thời xem xét nội dung và cấu trúc học phần, trong đó sinh viên đánh giá tính logic của nội dung, mức độ phù hợp của khối lượng kiến thức, tính cập nhật và mức độ gắn kết giữa kiến thức lý thuyết với hoạt động thực hành.
- Khảo sát tiếp tục xem xét phương pháp giảng dạy, bao gồm mức độ khuyến khích sinh viên tham gia chủ động, sự đa dạng của phương pháp dạy học, khả năng phát triển tư duy phản biện và năng lực tự học, cũng như mức độ rõ ràng trong truyền đạt nội dung trọng tâm.
- Khảo sát xem xét công tác kiểm tra, đánh giá và phản hồi thông qua mức độ phù hợp giữa phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra, mức độ công khai tiêu chí và thang điểm, mức độ phản ánh đúng kết quả học tập và tính kịp thời của phản hồi.
- Khảo sát cũng xem xét điều kiện học tập và sự hỗ trợ sinh viên, bao gồm học liệu, nền tảng học tập số, cơ sở vật chất, thiết bị và sự hỗ trợ của giảng viên, nhà trường trong quá trình học tập.

6. Cuối cùng, khảo sát ghi nhận đánh giá tổng thể của sinh viên về mức độ đóng góp của học phần đối với việc hình thành năng lực và mức độ hài lòng đối với chất lượng tổ chức, giảng dạy học phần.
7. Phiếu khảo sát còn tạo điều kiện để sinh viên nêu ý kiến tự do về những điểm mạnh của học phần, những nội dung cần cải tiến và những đề xuất nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

Học viện sử dụng kết quả khảo sát như một nguồn thông tin trong hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong. Các đơn vị không chỉ xem xét điểm trung bình mà cần phân tích từng nhóm nội dung, đối chiếu với ý kiến phản hồi tự do và kết quả đào tạo để xác định vấn đề, lựa chọn giải pháp, phân công trách nhiệm và theo dõi kết quả sau cải tiến.

II. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Dữ liệu khảo sát trong Học kỳ II năm học 2025–2026 có quy mô lớn, bao quát 17.528 sinh viên, 111.745 lượt phản hồi, 2.810 lớp học phần và 380 giảng viên. Tổng số lượt trả lời đối với 22 nội dung đánh giá định lượng đạt 2.228.091 lượt.

Nội dung	Kết quả
Số sinh viên khác nhau tham gia	17.528
Số lượt phản hồi	111.745
Số lớp học phần	2.810
Số giảng viên	380
Số lượt trả lời các nội dung đánh giá định lượng	2.228.091

Kết quả tổng hợp cho thấy sinh viên đánh giá tích cực đối với công tác giảng dạy các học phần chung. Điểm trung bình chung của 22 nội dung đánh giá đạt 4,81/5,00, cho thấy phần lớn sinh viên nhận thấy các học phần đáp ứng tốt yêu cầu về mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và hỗ trợ người học.

Điểm trung bình chung của 22 nội dung đánh giá đạt 4,81/5,00. Kết quả này phản ánh mức đánh giá cao và tương đối đồng đều giữa các nội dung khảo sát.

Kết quả đáng chú ý cho thấy 96,1% tổng số lượt trả lời lựa chọn mức 4 hoặc mức 5; trong đó 85,6% lựa chọn mức 5. Điểm trung bình của 22 nội dung dao động từ 4,79 đến 4,84/5,00.

- Tỷ lệ 96,1% lượt trả lời ở mức 4 và 5 cho thấy phần lớn sinh viên có nhận xét tích cực đối với hoạt động giảng dạy. Tuy nhiên, tỷ lệ cao không đồng nghĩa với việc chương trình không còn nội dung cần cải tiến.
- Tỷ lệ lựa chọn mức 5 đạt 85,6%, cho thấy mức độ đồng thuận của sinh viên đối với các nội dung khảo sát ở mức cao. Đơn vị quản lý vẫn cần phân tích các tiêu chí có điểm thấp hơn tương đối để xác định những nội dung cần ưu tiên.

- Điểm trung bình của 22 nội dung nằm trong khoảng 4,79–4,84/5,00. Khoảng chênh lệch không lớn nhưng vẫn cung cấp thông tin cần thiết để đơn vị nhận diện những lĩnh vực có khả năng cải thiện thêm.

Như vậy, kết quả khảo sát không cho thấy nội dung nào có mức đánh giá thấp. Tuy nhiên, Học viện cần sử dụng kết quả theo hướng cải tiến liên tục, trong đó chuyển trọng tâm từ việc duy trì điểm hài lòng cao sang nâng cao chất lượng thực chất của quá trình học tập và mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên.

III. KẾT QUẢ KHẢO SÁT THEO CÁC NHÓM TIÊU CHÍ

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

Nội dung đánh giá	Điểm TB
Mục tiêu học phần được công bố rõ ràng ngay từ đầu học kỳ	4,84
Chuẩn đầu ra học phần phù hợp với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	4,81
Chuẩn đầu ra thể hiện đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp	4,81
Sinh viên hiểu rõ các năng lực cần đạt sau khi hoàn thành học phần	4,81
Trung bình nhóm	4,82

Sinh viên đánh giá nhóm mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần đạt 4,82/5,00, cao nhất trong sáu nhóm nội dung khảo sát. Kết quả này cho thấy giảng viên đã quan tâm đến việc công bố yêu cầu học tập và định hướng năng lực cần đạt cho sinh viên ngay từ đầu học kỳ.

- Nội dung “Mục tiêu học phần được công bố rõ ràng ngay từ đầu học kỳ” đạt 4,84/5,00 và có điểm cao nhất trong 22 nội dung khảo sát. Kết quả này cho thấy sinh viên nhận được thông tin tương đối đầy đủ về mục tiêu của học phần trước và trong quá trình học tập.
- Các nội dung liên quan đến sự phù hợp giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, mức độ thể hiện kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp, cũng như mức độ hiểu rõ năng lực cần đạt đều đạt 4,81/5,00. Kết quả này cho thấy chương trình đã tạo được sự liên kết tương đối rõ giữa yêu cầu ở cấp chương trình và yêu cầu ở cấp học phần.

Đánh giá chung cho nhóm này cho thấy Học viện đã thực hiện tốt việc công khai mục tiêu và yêu cầu đầu ra của học phần.

- Đơn vị quản lý chương trình cần tiếp tục duy trì việc công bố mục tiêu và chuẩn đầu ra ngay từ đầu học kỳ, đồng thời yêu cầu giảng viên giải thích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra, nội dung học tập và phương thức đánh giá.

- Sinh viên cần không chỉ biết chuẩn đầu ra mà còn hiểu chuẩn đầu ra dùng để định hướng việc học, lựa chọn cách học và tự xem xét mức độ tiến bộ của bản thân.
- Đơn vị quản lý chương trình cần tiếp tục rà soát sự liên kết giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra của từng học phần để bảo đảm yêu cầu đào tạo được triển khai thống nhất.
- Việc công khai thông tin học phần cần tiếp tục thực hiện đầy đủ, thống nhất và đúng thời điểm để sinh viên có đủ thông tin trước khi triển khai nhiệm vụ học tập.

Nội dung cần tiếp tục cải tiến là việc chuyển từ cung cấp thông tin về chuẩn đầu ra sang tổ chức hoạt động dạy học giúp sinh viên sử dụng chuẩn đầu ra để định hướng quá trình học tập.

- Đơn vị quản lý cần kiểm tra mức độ thực hiện thông qua đề cương học phần, tài liệu giảng dạy, hoạt động trên lớp và kết quả đánh giá của sinh viên.

2. Nội dung và cấu trúc học phần

Nội dung đánh giá	Điểm TB
Nội dung học phần được sắp xếp logic, có tính hệ thống	4,82
Khối lượng kiến thức phù hợp với số tín chỉ và thời lượng	4,80
Nội dung cập nhật, gắn với thực tiễn ngành nghề	4,80
Liên kết giữa lý thuyết và thực hành được thể hiện rõ	4,80
Trung bình nhóm	4,81

Sinh viên đánh giá nhóm nội dung và cấu trúc học phần đạt 4,81/5,00. Kết quả này cho thấy sinh viên nhìn nhận tích cực về cách tổ chức kiến thức và khối lượng học tập.

Trong nhóm này, nội dung học phần được sắp xếp logic và có tính hệ thống đạt 4,82/5,00. Kết quả cho thấy giảng viên cơ bản tổ chức nội dung theo trình tự phù hợp với yêu cầu của học phần.

- Nội dung học phần có tính cập nhật và gắn với thực tiễn ngành nghề đạt 4,80/5,00. Mức điểm này vẫn cao nhưng thấp hơn tương đối so với nội dung về tính logic của cấu trúc học phần.
- Sự liên kết giữa lý thuyết và thực hành đạt 4,80/5,00. Kết quả cho thấy sinh viên đánh giá tích cực nhưng vẫn mong muốn có thêm cơ hội vận dụng kiến thức trong quá trình học.

Đơn vị quản lý chương trình cần tiếp tục rà soát nội dung học phần theo định kỳ để bảo đảm kiến thức giảng dạy phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành và yêu cầu nghề nghiệp.

Các ý kiến phản hồi tự do cũng cho thấy sinh viên quan tâm đến việc tăng bài tập, hoạt động thực hành, ví dụ thực tế và nhiệm vụ ứng dụng. Khoa và bộ môn cần sử dụng những thông tin này để điều chỉnh nội dung và cách tổ chức học tập phù hợp với từng học phần.

3. Phương pháp giảng dạy

Nội dung đánh giá	Điểm TB
Phương pháp giảng dạy khuyến khích sinh viên tham gia chủ động	4,82
Giảng viên sử dụng đa dạng phương pháp dạy – học	4,80
Phương pháp giảng dạy giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và tự học	4,79
Giảng viên truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu các nội dung trọng tâm	4,80
Trung bình nhóm	4,80

Sinh viên đánh giá nhóm phương pháp giảng dạy đạt 4,80/5,00. Kết quả này cho thấy giảng viên đã tổ chức hoạt động dạy học theo hướng tạo điều kiện để sinh viên tham gia vào quá trình học tập.

- Nội dung về việc khuyến khích sinh viên tham gia chủ động đạt 4,82/5,00. Kết quả này cho thấy nhiều giảng viên đã tạo điều kiện để sinh viên trao đổi, thực hiện nhiệm vụ học tập và tham gia vào quá trình hình thành kiến thức.
- Nội dung về khả năng phát triển tư duy phản biện và năng lực tự học đạt 4,79/5,00, thấp nhất trong 22 nội dung khảo sát. Mặc dù mức điểm vẫn rất cao, kết quả này cho thấy chương trình cần tiếp tục quan tâm đến việc hình thành năng lực tự học, phân tích, lập luận và giải quyết vấn đề.
- Đơn vị quản lý chương trình cần khuyến khích giảng viên tăng cường những hoạt động mà sinh viên phải tự tìm hiểu, phân tích, so sánh, trao đổi, giải thích và bảo vệ quan điểm. Giảng viên cần lựa chọn hoạt động phù hợp với mục tiêu và đặc điểm của từng học phần.

Trong quá trình tổ chức dạy học, giảng viên có thể tăng cường thảo luận, giải quyết vấn đề, phân tích tình huống, câu hỏi mở, bài tập có nhiều cách giải quyết, nhiệm vụ thực hành và các nhiệm vụ tự học có hướng dẫn. Việc lựa chọn phương pháp cần xuất phát từ yêu cầu đầu ra của học phần.

- Đối với các học phần có yêu cầu vận dụng, giảng viên cần dành thời gian phù hợp để sinh viên thực hành và giải quyết vấn đề thay vì chỉ tiếp nhận kiến thức.
- Đối với các học phần có nội dung cần lập luận hoặc phân tích, giảng viên cần tổ chức hoạt động trao đổi và phản biện để sinh viên hình thành khả năng bảo vệ kết luận bằng lập luận và bằng chứng.

- Đối với các học phần có khối lượng kiến thức lớn, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên cách tự học, cách khai thác tài liệu và cách tự kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Khoa và bộ môn cần khuyến khích giảng viên chia sẻ những cách tổ chức dạy học có hiệu quả để các học phần có điều kiện học hỏi và áp dụng phù hợp.
- Việc đa dạng hóa phương pháp không nhằm mục tiêu sử dụng càng nhiều phương pháp càng tốt. Giảng viên cần lựa chọn phương pháp phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng học tập và yêu cầu đánh giá của từng học phần.
-
-

4. Kiểm tra, đánh giá và phản hồi

Nội dung đánh giá	Điểm TB
Phương pháp đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra học phần	4,82
Tiêu chí và thang điểm đánh giá được công bố rõ ràng	4,81
Hình thức đánh giá phản ánh đúng kết quả học tập	4,80
Sinh viên nhận được phản hồi kịp thời và có giá trị	4,80
Trung bình nhóm	4,81

Sinh viên đánh giá nhóm kiểm tra, đánh giá và phản hồi đạt 4,81/5,00. Kết quả cho thấy người học nhìn nhận tích cực về sự phù hợp của hoạt động đánh giá với yêu cầu học tập.

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đánh giá phương pháp đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra học phần ở mức 4,82/5,00; tiêu chí và thang điểm được công bố rõ ràng đạt 4,81/5,00; hình thức đánh giá phản ánh đúng kết quả học tập đạt 4,80/5,00; và phản hồi kịp thời, có giá trị đạt 4,80/5,00.

- Đơn vị quản lý chương trình cần tiếp tục kiểm tra sự thống nhất giữa chuẩn đầu ra, nội dung giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá. Mỗi hình thức đánh giá cần phản ánh đúng năng lực mà học phần yêu cầu sinh viên đạt được.
- Giảng viên cần công khai yêu cầu, tiêu chí và thang điểm đánh giá theo đúng quy định để sinh viên hiểu rõ yêu cầu trước khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Đối với các học phần yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức, hoạt động đánh giá cần tạo điều kiện để sinh viên giải quyết vấn đề, thực hành, tính toán, lập trình, thiết kế hoặc phân tích tình huống phù hợp.

- Sau mỗi hoạt động đánh giá, giảng viên cần cung cấp thông tin phản hồi đủ rõ để sinh viên nhận biết kết quả, nội dung chưa đạt, nguyên nhân và cách khắc phục. Học viện cần xem phản hồi sau đánh giá là một bộ phận của quá trình dạy học.

Nội dung cần tiếp tục cải tiến là chất lượng và khả năng sử dụng của phản hồi. Sinh viên cần có cơ hội sử dụng phản hồi để điều chỉnh cách học và cải thiện kết quả trong các nhiệm vụ tiếp theo.

- Học viện cần tăng cường việc kết hợp đánh giá kết quả học tập với đánh giá phục vụ quá trình học tập. Khi tổ chức kiểm tra, giảng viên cần quan tâm cả việc xác định mức độ đạt yêu cầu và việc cung cấp thông tin giúp sinh viên tiến bộ.
- Sau mỗi bài kiểm tra hoặc nhiệm vụ đánh giá, giảng viên cần giúp sinh viên hiểu rõ kết quả đạt được, lỗi hoặc nội dung chưa đạt, nguyên nhân, hướng khắc phục và cơ hội áp dụng những điều đã học để cải thiện.
- Cách thực hiện này giúp hoạt động kiểm tra đánh giá không chỉ xác định điểm số mà còn tạo thông tin phục vụ việc điều chỉnh hoạt động dạy và học.

5. Điều kiện học tập và hỗ trợ sinh viên

Nội dung đánh giá	Điểm TB
Tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu học phần	4,82
Nền tảng học tập số hỗ trợ hiệu quả cho việc học	4,79
Cơ sở vật chất, phòng học, thiết bị phù hợp	4,80
Sinh viên nhận được sự hỗ trợ kịp thời	4,80
Trung bình nhóm	4,80

Sinh viên đánh giá nhóm điều kiện học tập và hỗ trợ đạt 4,80/5,00. Kết quả cho thấy các điều kiện phục vụ quá trình học tập cơ bản đáp ứng yêu cầu.

- Tài liệu học tập đạt 4,82/5,00. Cơ sở vật chất, phòng học và thiết bị đạt 4,80/5,00. Sự hỗ trợ kịp thời của giảng viên và nhà trường đạt 4,80/5,00.
- Nội dung về hệ thống học tập và nền tảng số đạt 4,79/5,00 và thuộc nhóm có điểm thấp hơn tương đối. Kết quả này cho thấy Học viện cần tiếp tục hoàn thiện cách tổ chức học liệu và hoạt động hỗ trợ sinh viên trên môi trường số.

Đơn vị quản lý cần tập trung vào chất lượng tài liệu, bài tập, nội dung hướng dẫn tự học, cách tổ chức nội dung học tập và việc cung cấp phản hồi cho sinh viên.

- Giảng viên cần cung cấp tài liệu học tập theo cấu trúc rõ ràng, thống nhất và phù hợp với yêu cầu của học phần.
- Giảng viên cần xây dựng hệ thống bài tập phù hợp với mức độ của học phần và hướng dẫn sinh viên sử dụng bài tập để tự kiểm tra mức độ hiểu và vận dụng kiến thức.

- Đối với những học phần phù hợp, giảng viên có thể sử dụng bài giảng điện tử, video hướng dẫn hoặc tài liệu trực quan nhằm hỗ trợ sinh viên học tập ngoài giờ lên lớp.
- Giảng viên cần cung cấp hướng dẫn tự học, nhất là đối với những nội dung có yêu cầu sinh viên đọc tài liệu hoặc thực hiện nhiệm vụ ngoài giờ học.
- Đơn vị cần tạo điều kiện để sinh viên nhận được phản hồi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập, không chỉ sau khi kết thúc học phần.
- Việc tổ chức học liệu trên nền tảng số cần bảo đảm sinh viên dễ tìm tài liệu, dễ nhận nhiệm vụ và dễ theo dõi kết quả học tập.

6. Đánh giá tổng thể

Nội dung đánh giá	Điểm TB
Học phần giúp sinh viên đạt được các năng lực cần thiết	4,83
Sinh viên hài lòng với chất lượng tổ chức và giảng dạy học phần	4,80
Trung bình	4,82

Hai nội dung đánh giá tổng thể đạt mức cao. Nội dung học phần giúp sinh viên đạt được các năng lực cần thiết đạt 4,83/5,00; mức độ hài lòng với chất lượng tổ chức và giảng dạy học phần đạt 4,80/5,00.

Nội dung “Học phần giúp sinh viên đạt được các năng lực cần thiết” đạt 4,83/5,00 và có điểm cao nhất trong nhóm đánh giá tổng thể. Kết quả này cho thấy sinh viên nhận thấy giá trị của học phần đối với quá trình hình thành năng lực.

Đơn vị quản lý chương trình cần tiếp tục đối chiếu nhận xét của sinh viên với kết quả học tập và kết quả đánh giá chuẩn đầu ra. Mức độ hài lòng cao là tín hiệu tích cực nhưng chưa đủ để chứng minh mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học.

IV. ĐÁNH GIÁ CÁC KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả nổi bật

1.1. Công tác giảng dạy được sinh viên đánh giá ở mức cao

Điểm trung bình chung đạt 4,81/5,00 trên quy mô 111.745 lượt phản hồi. Kết quả này cho thấy phần lớn sinh viên đánh giá tích cực đối với công tác giảng dạy các học phần chung.

Quy mô khảo sát lớn và bao quát nhiều học phần, lớp học phần và giảng viên tạo điều kiện để Học viện nhận diện tương đối đầy đủ nhận xét của người học đối với hoạt động dạy học.

1.2. Học viện công khai tương đối tốt yêu cầu học tập và đánh giá

Các nội dung liên quan đến mục tiêu, chuẩn đầu ra, phương pháp đánh giá và tiêu chí đánh giá đều đạt từ 4,80 đến 4,84/5,00. Kết quả cho thấy sinh viên cơ bản nhận được thông tin cần thiết để thực hiện yêu cầu học tập.

Đơn vị quản lý cần tiếp tục duy trì việc công khai thông tin học phần và bảo đảm thông tin được cung cấp thống nhất giữa đề cương, nội dung giảng dạy và hoạt động đánh giá.

1.3. Giảng viên tổ chức hoạt động dạy học đáp ứng tốt yêu cầu

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đánh giá tích cực khả năng truyền đạt, tổ chức hoạt động học tập, lựa chọn phương pháp giảng dạy và hỗ trợ sinh viên của giảng viên.

- Giảng viên đã tạo điều kiện để sinh viên tham gia vào quá trình học tập và nhìn chung truyền đạt rõ ràng các nội dung trọng tâm.
- Hoạt động tổ chức học tập cần tiếp tục hướng tới việc tăng mức độ chủ động của sinh viên thông qua các nhiệm vụ học tập phù hợp.
- Đơn vị quản lý cần khuyến khích giảng viên chia sẻ cách làm hiệu quả và hỗ trợ đồng nghiệp trong việc tổ chức các hoạt động học tập phù hợp.
- Công tác hỗ trợ sinh viên cần tiếp tục gắn với yêu cầu cụ thể của từng học phần và từng nhóm đối tượng người học.

Kết quả khảo sát cho thấy nền tảng của hoạt động giảng dạy đã đáp ứng tốt nhận xét của người học; giai đoạn tiếp theo cần tập trung nhiều hơn vào chiều sâu của việc học.

1.4. Sinh viên đánh giá cao giá trị của học phần đối với việc hình thành năng lực

Điểm 4,83/5,00 đối với nội dung học phần giúp sinh viên đạt được các năng lực cần thiết cho thấy người học nhìn nhận tích cực về giá trị của học phần đối với quá trình học tập.

1.5. Ý kiến phản hồi tự do cung cấp nhiều thông tin phục vụ cải tiến

Trong 34.316 ý kiến về điểm mạnh, sinh viên thường ghi nhận những nội dung như bài học dễ hiểu, kiến thức hữu ích, kiến thức tạo nền tảng cho các học phần tiếp theo, giảng viên nhiệt tình và tận tâm, phương pháp giảng dạy dễ tiếp thu và nội dung có tính ứng dụng.

- Nhiều ý kiến ghi nhận nội dung được giảng viên giải thích dễ hiểu.
- Sinh viên đánh giá cao những kiến thức hữu ích và có khả năng làm nền tảng cho các học phần tiếp theo.
- Một số ý kiến ghi nhận sự nhiệt tình và trách nhiệm của giảng viên trong quá trình tổ chức dạy học.
- Sinh viên cũng ghi nhận những học phần có nội dung gắn với việc vận dụng kiến thức.
- Một số ý kiến đánh giá phương pháp giảng dạy tạo điều kiện để sinh viên tiếp thu kiến thức thuận lợi.
- Các ý kiến này giúp đơn vị nhận diện những cách làm có hiệu quả và xem xét khả năng duy trì, chia sẻ trong phạm vi phù hợp.

Đơn vị cần tiếp tục phân tích ý kiến tự do theo từng học phần và từng nhóm vấn đề để bảo đảm việc cải tiến dựa trên thông tin cụ thể.

V. NHỮNG HẠN CHẾ VÀ NỘI DUNG CẦN TIẾP TỤC CẢI TIẾN

Mặc dù kết quả định lượng đạt mức cao, Học viện không nên kết luận rằng hoạt động giảng dạy đã hoàn thiện. Điểm trung bình phản ánh mức độ đánh giá chung nhưng chưa thể hiện đầy đủ những khác biệt giữa các học phần và những vấn đề chuyên sâu trong quá trình học tập.

Các ý kiến phản hồi tự do cung cấp thêm thông tin về những nội dung sinh viên mong muốn Học viện và giảng viên tiếp tục cải thiện. Đơn vị quản lý cần kết hợp thông tin định lượng và thông tin định tính trước khi đưa ra quyết định.

1. Tăng cường thực hành và bài tập vận dụng

Trong 33.526 ý kiến về nội dung cần cải tiến, nhiều ý kiến đề cập đến thực hành, bài tập, bài tập lớn, chữa bài và hoạt động tại phòng máy. Kết quả này cho thấy sinh viên mong muốn có thêm cơ hội chuyển kiến thức đã học thành sản phẩm hoặc kết quả thực hành cụ thể.

Đơn vị quản lý chương trình cần ưu tiên nội dung này trong kế hoạch cải tiến. Việc tăng thực hành cần gắn với chuẩn đầu ra và đặc điểm của từng học phần, không nên chỉ tăng số lượng bài tập mà cần nâng cao khả năng vận dụng của nhiệm vụ học tập.

Một số sinh viên đề nghị giảng viên tăng số lượng bài tập, tăng thời gian thực hành, dành thêm thời gian chữa bài, bổ sung bài tập vận dụng và tăng hoạt động tại phòng máy.

- Khoa và bộ môn cần rà soát từng học phần để xác định nội dung nào cần tăng thực hành và nội dung nào cần bổ sung bài tập vận dụng.
- Giảng viên cần thiết kế nhiệm vụ học tập để sinh viên thực hiện, nhận phản hồi và sửa kết quả thay vì chỉ hoàn thành bài tập để lấy điểm.
- Đơn vị cần quan tâm đến thời gian hướng dẫn và chữa bài, nhất là đối với những học phần có yêu cầu kỹ năng thực hành.
- Bài tập vận dụng cần phản ánh yêu cầu thực tế của học phần và tạo cơ hội để sinh viên sử dụng kiến thức đã học.
- Đối với các học phần có điều kiện thực hành tại phòng máy, đơn vị cần bố trí thời gian và thiết bị phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

Những ý kiến trên cho thấy khoảng cách giữa việc hiểu kiến thức và việc vận dụng kiến thức vẫn là nội dung cần tiếp tục quan tâm.

2. Tăng tính thực tiễn của nội dung học phần

Các ý kiến về thực tế và ứng dụng xuất hiện trong cả nhóm phản hồi về điểm mạnh và nhóm đề xuất cải tiến. Kết quả này cho thấy sinh viên đánh giá cao những nội dung giúp họ hiểu cách vận dụng kiến thức trong công việc.

Khoa và bộ môn cần tiếp tục tăng các ví dụ thực tế, tình huống nghề nghiệp, bài toán thực tế, bài tập ứng dụng và nhiệm vụ tạo ra sản phẩm học tập phù hợp.

- Giảng viên cần lựa chọn ví dụ thực tế phù hợp với mục tiêu và nội dung của học phần.
- Đối với học phần có yêu cầu nghề nghiệp rõ, giảng viên cần đưa tình huống gần với công việc mà sinh viên có thể gặp sau khi tốt nghiệp.
- Đối với học phần phù hợp, giảng viên có thể sử dụng các bài toán xuất phát từ thực tế để sinh viên phân tích và đề xuất phương án giải quyết.
- Bài tập ứng dụng cần tạo cơ hội để sinh viên vận dụng kiến thức thay vì chỉ lặp lại nội dung đã học.
- Những nhiệm vụ học tập có quy mô nhỏ có thể giúp sinh viên tích hợp kiến thức và hình thành sản phẩm cụ thể.

3. Tăng cường học liệu và hỗ trợ tự học

Một số ý kiến đề nghị bổ sung bài trình chiếu, tài liệu, video, tài liệu hướng dẫn và học liệu phục vụ tự học. Các ý kiến này phù hợp với kết quả định lượng khi nội dung về nền tảng học tập số đạt 4,79/5,00.

- Giảng viên cần rà soát và chuẩn hóa học liệu của từng học phần, bảo đảm sinh viên có đủ tài liệu để chuẩn bị bài, học trên lớp và tự học.
- Tài liệu học tập cần có hướng dẫn sử dụng, chỉ rõ nội dung trọng tâm và mối liên hệ với nhiệm vụ học tập.
- Đối với nội dung phù hợp, giảng viên có thể bổ sung video hoặc tài liệu trực quan để hỗ trợ sinh viên tiếp cận kiến thức ngoài giờ học.
- Đơn vị quản lý cần khuyến khích giảng viên xây dựng hướng dẫn tự học cho những nội dung yêu cầu sinh viên chủ động đọc và nghiên cứu.
- Việc cung cấp học liệu cần đi cùng với hướng dẫn cách sử dụng để tránh tình trạng cung cấp nhiều tài liệu nhưng sinh viên khó xác định nội dung cần ưu tiên.

Kết quả đánh giá 4,79/5,00 đối với nền tảng học tập số cho thấy đây là một trong những nội dung cần tiếp tục cải thiện trong giai đoạn tiếp theo.

4. Phát triển tư duy phản biện và năng lực tự học

Nội dung về phát triển tư duy phản biện và năng lực tự học đạt 4,79/5,00 và là nội dung có điểm thấp nhất trong 22 nội dung khảo sát.

Mức điểm này vẫn cao, nhưng đơn vị quản lý cần coi đây là một dấu hiệu để tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động học tập. Chương trình không nên chỉ tập trung vào

việc giúp sinh viên hiểu nội dung mà cần tạo điều kiện để sinh viên tự tìm hiểu, phân tích, so sánh, lập luận, giải quyết vấn đề và tự đánh giá kết quả học tập.

Giảng viên cần tăng các nhiệm vụ yêu cầu sinh viên tự tìm hiểu tài liệu, đặt câu hỏi, giải thích lựa chọn và tự kiểm tra kết quả.

- Giảng viên cần hướng dẫn sinh viên cách phân tích thông tin và xác định vấn đề trước khi đưa ra kết luận.
- Các câu hỏi so sánh, phân tích và vận dụng có thể giúp sinh viên vượt ra khỏi việc ghi nhớ nội dung.
- Giảng viên cần tạo điều kiện để sinh viên trình bày và bảo vệ quan điểm bằng lập luận phù hợp.
- Các hoạt động trao đổi và phản biện cần tập trung vào chất lượng lập luận, không chỉ vào việc đưa ra đáp án.
- Nhiệm vụ giải quyết vấn đề cần gắn với nội dung học phần và tạo cơ hội để sinh viên vận dụng kiến thức.
- Sinh viên cần được hướng dẫn tự xem xét kết quả học tập và xác định nội dung cần tiếp tục cải thiện.

VI. ĐỀ XUẤT CẢI TIẾN, KHẮC PHỤC

TT	Vấn đề	Giải pháp cải tiến	Đơn vị/đối tượng thực hiện
1	Tăng cường thực hành và bài tập vận dụng	Rà soát từng học phần; bổ sung bài tập vận dụng, thực hành và nhiệm vụ học tập phù hợp với chuẩn đầu ra.	Khoa/Bộ môn/Giảng viên
2	Tăng mức độ gắn với thực tiễn	Bổ sung ví dụ, tình huống nghề nghiệp, bài toán thực tế và nhiệm vụ ứng dụng phù hợp với từng học phần.	Khoa/Bộ môn/Giảng viên
3	Phát triển tư duy phản biện	Tăng hoạt động phân tích, thảo luận, trao đổi, câu hỏi mở và nhiệm vụ yêu cầu sinh viên giải thích, bảo vệ quan điểm.	Khoa/Bộ môn/Giảng viên
4	Phát triển năng lực tự học	Xây dựng hướng dẫn tự học, nhiệm vụ học tập và tài liệu hỗ trợ để sinh viên chủ động chuẩn bị và tự kiểm tra kết quả.	Khoa/Bộ môn/Giảng viên
5	Hoàn thiện việc tổ chức học tập trên nền tảng số	Chuẩn hóa cách cung cấp tài liệu, bài tập, hướng dẫn học tập và phản hồi trên nền tảng số.	Khoa/Đơn vị quản lý
6	Nâng cao chất lượng phản hồi	Sau đánh giá, giảng viên chỉ rõ kết quả, nội dung chưa đạt, nguyên nhân và hướng khắc phục để sinh viên tiếp tục cải thiện.	Giảng viên/Bộ môn

TT	Vấn đề	Giải pháp cải tiến	Đơn vị/đối tượng thực hiện
7	Quan tâm sự khác biệt về trình độ người học	Thiết kế nhiệm vụ học tập với mức độ phù hợp, tạo điều kiện để sinh viên có trình độ khác nhau cùng tiến bộ.	Giảng viên/Bộ môn
8	Chuẩn hóa học liệu	Xây dựng yêu cầu tối thiểu về học liệu cho từng học phần và rà soát, cập nhật học liệu theo định kỳ.	Khoa/Bộ môn
9	Chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy	Tổ chức chia sẻ cách làm hiệu quả, học liệu và kinh nghiệm tổ chức hoạt động dạy học giữa các giảng viên.	Khoa/Bộ môn
10	Đánh giá hiệu quả cải tiến	So sánh kết quả khảo sát giữa các học kỳ, theo dõi các nội dung đã điều chỉnh và kiểm tra mức độ cải thiện.	Đơn vị phụ trách bảo đảm chất lượng

VII. CÁC ƯU TIÊN CẢI TIẾN TRONG NĂM HỌC TIẾP THEO

Từ kết quả khảo sát, Học viện không nên đặt mục tiêu đơn thuần là nâng điểm khảo sát từ 4,81 lên một mức điểm cao hơn, vì mức đánh giá hiện tại đã rất cao. Học viện cần chuyển trọng tâm sang nâng cao chất lượng thực chất của quá trình học tập và mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên.

Trong năm học tiếp theo, đơn vị quản lý chương trình cần ưu tiên tăng hoạt động thực hành và vận dụng. Sinh viên cần có nhiều cơ hội chuyển từ hiểu kiến thức sang thực hiện nhiệm vụ, vận dụng kiến thức và giải quyết vấn đề phù hợp với yêu cầu của từng học phần.

- Đơn vị cần ưu tiên phát triển năng lực tự học và tư duy phản biện vì đây là nội dung có điểm đánh giá thấp nhất trong nhóm phương pháp giảng dạy. Giảng viên cần tổ chức nhiều hơn các nhiệm vụ yêu cầu sinh viên tự tìm hiểu, phân tích, trao đổi, lập luận và giải quyết vấn đề.
- Đơn vị cần tiếp tục hoàn thiện học liệu và cách tổ chức học tập trên nền tảng số. Nội dung ưu tiên gồm tài liệu hướng dẫn, hệ thống bài tập, học liệu trực quan, hướng dẫn tự học và thông tin phản hồi.
- Đơn vị cần tăng liên hệ thực tế trong từng học phần. Mỗi học phần cần xác định những nội dung có thể gắn với tình huống thực tế, bài toán nghề nghiệp, bài tập ứng dụng hoặc sản phẩm học tập phù hợp.
- Đơn vị cần sử dụng ý kiến sinh viên theo một chu trình cải tiến liên tục. Sau khi khảo sát, đơn vị cần phân tích kết quả, xác định vấn đề, thực hiện biện pháp, kiểm tra kết quả và tiếp tục điều chỉnh khi cần thiết.

- Mỗi nội dung cải tiến cần xác định rõ đơn vị thực hiện, thời hạn hoàn thành, kết quả cần đạt và cách thức kiểm tra hiệu quả. Đơn vị không nên xây dựng kế hoạch chỉ bằng các mục tiêu chung như “tăng cường” hoặc “đẩy mạnh” mà cần xác định kết quả có thể theo dõi và kiểm chứng.

VIII. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát công tác giảng dạy các học phần chung trong Học kỳ II năm học 2025–2026 cho thấy sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy ở mức cao. Với 111.745 lượt phản hồi của 17.528 sinh viên, 2.810 lớp học phần và 380 giảng viên, dữ liệu khảo sát cung cấp cơ sở quan trọng để Học viện xem xét thực trạng hoạt động dạy học.

Điểm trung bình chung của 22 nội dung đánh giá đạt 4,81/5,00; 96,1% lượt trả lời ở mức 4 và 5, trong đó 85,6% ở mức 5. Các nội dung về mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra, tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá, điều kiện học tập và giá trị của học phần đều nhận được đánh giá tích cực.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy những nội dung cần tiếp tục cải tiến, tập trung vào tăng thực hành, bài tập vận dụng, mức độ gắn với thực tiễn, học liệu phục vụ tự học, hiệu quả của nền tảng học tập số, tư duy phản biện và năng lực tự học.

Trong giai đoạn tiếp theo, Học viện cần chuyển trọng tâm từ việc duy trì mức độ hài lòng cao sang nâng cao hiệu quả học tập và mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên. Đơn vị quản lý chương trình cần sử dụng kết quả khảo sát cùng với kết quả học tập và các nguồn thông tin liên quan để xác định đúng vấn đề và lựa chọn biện pháp cải tiến.

Đánh giá tổng thể: Công tác giảng dạy các học phần chung trong Học kỳ II năm học 2025–2026 đạt kết quả tích cực. Học viện vẫn còn dư địa để nâng cao chiều sâu học tập, mức độ thực hành và khả năng vận dụng kiến thức. Giá trị của hoạt động khảo sát không chỉ nằm ở điểm đánh giá cao mà còn nằm ở việc Học viện sử dụng kết quả để thực hiện và kiểm chứng hiệu quả cải tiến.

TRƯỞNG TRUNG TÂM

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc HV;
- Các đơn vị chức năng;
- Các khoa ĐT;
- Lưu VT;

Nguyễn Quý Sỹ